

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2013/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao,
ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự,
thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao,
ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao**

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (sau đây viết tắt là cơ sở ươm tạo công nghệ cao); thẩm quyền, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận).

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao tại Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao

Cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải đáp ứng được các điều kiện cụ thể sau đây:

1. Công nghệ được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Có địa điểm đặt trụ sở gắn kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu như trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao;

b) Có diện tích đảm bảo đủ cung cấp cho ít nhất 10 dự án ươm tạo đồng thời;

c) Phòng thí nghiệm, phòng sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị thiết yếu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích phòng thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007;

d) Phòng hội thảo có sức chứa tối thiểu 25 người, được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phù hợp sử dụng tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, cũng như sử dụng làm phòng họp, làm việc nhóm;

đ) Có dịch vụ tra cứu cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế, gắn kết với các địa chỉ tra cứu cơ sở dữ liệu như VISTA của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

e) Có các thiết bị văn phòng dùng chung.

4. Đội ngũ quản lý

Đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải có ít nhất 05 thành viên và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ đào tạo về quản lý ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ;

b) Có kinh nghiệm về quản lý liên quan đến hoạt động ươm tạo.

5. Đội ngũ chuyên gia tư vấn

Có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có hợp đồng tư vấn dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong mỗi lĩnh vực công nghệ ươm tạo, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý và quản trị doanh nghiệp, marketing. Chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trình độ chuyên môn: Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn và đạt trình độ đại học trở lên, sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tư vấn;

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn;

c) Ưu tiên các chuyên gia trong cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ; khuyến khích các chuyên gia tư vấn nước ngoài, chuyên gia người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

6. Khả năng liên kết với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

7. Có kế hoạch kinh doanh phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

8. Các điều kiện khác

a) Có chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao. Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2010 về hệ thống quản lý môi trường;

c) Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.

Điều 3. Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao tại Việt Nam nếu có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận thì được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận.

2. Văn phòng Chứng nhận hoạt động công nghệ cao và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Văn phòng Chứng nhận) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Biểu B1a-TCCSUT; Biểu B1b-CNCSUT);
- b) Bản chứng thực: Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị đối với cá nhân;
- c) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT);
- d) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B3a-LLKH); danh sách các chuyên gia tư vấn (Biểu B3b-DSCG);
- đ) Văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia cơ sở ươm tạo công nghệ cao). Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị, máy móc của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, trường hợp sử dụng của các đơn vị liên kết, phải có các văn bản chứng minh năng lực của các đơn vị này;
- e) Văn bản chứng minh hợp tác, liên kết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong nước và ngoài nước.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt và lập thành 01 bản gốc, 01 bản sao và 01 bản điện tử nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện đến Văn phòng Chứng nhận.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Văn phòng Chứng nhận phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp

hoặc qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa hồ sơ và gửi lại Văn phòng Chứng nhận. Nếu quá thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Văn phòng Chứng nhận có văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận gửi cho tổ chức, cá nhân.

3. Trong trường hợp cần thiết, Văn phòng Chứng nhận tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để làm rõ những vấn đề nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm tổ chức thẩm định như sau:

Quy trình thẩm định được thực hiện trên cơ sở vận dụng các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao;

Văn phòng Chứng nhận tổ chức đi kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận và gửi cho tổ chức, cá nhân;

Mẫu Giấy chứng nhận theo mẫu B4-CSUTCNC ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, cơ sở ương tạo công nghệ cao không hoạt động;